

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2664 /BTC-TCĐN

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng
dẫn Nghị định số 148/2021/NĐ-CP

Kính gửi:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2021/NĐ-CP về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 148/2021/NĐ-CP. Các dự thảo này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính (<https://mof.gov.vn/> - chuyên mục ĐÓNG GÓP Ý KIẾN DỰ THẢO VĂN BẢN) và Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia bằng văn bản vào các dự thảo trên và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 15.4.2022 (đồng thời gửi file mềm ý kiến tham gia vào địa chỉ email: dangquocviet@mof.gov.vn – di động 0904884633).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. *T.M*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCDN. (606) *lu*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi
Nguyễn Đức Chi

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI LẤY Ý KIẾN THAM GIA
(Kèm theo công văn số 3664./BTC-TCĐN ngày 23/3/2022)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
I	BỘ, NGÀNH	
1	Bộ Tư pháp	
2	Bộ LĐTB&XH	
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
4	Bộ Nội vụ	
5	Bộ NN&PTNN	
6	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
7	Bộ VHTTDL	
8	Bộ Y tế	
9	Bộ Giao thông vận tải	
10	Bộ Xây dựng	
11	Bộ Công an	
12	Bộ Quốc phòng	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
14	Bộ KH&CN	
15	Bộ GD&ĐT	
16	Bộ Công Thương	
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	
18	Kiểm toán Nhà nước	
19	Thanh tra Chính phủ	
20	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
21	Văn phòng Chính phủ	
22	VCCI	
23	Đài truyền hình Việt Nam	
24	Đài tiếng nói Việt Nam	
25	Thông tấn xã Việt Nam	
II	ĐỊA PHƯƠNG	
63	63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
III	CÁC DOANH NGHIỆP	
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	
2	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	
3	19 Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Ủy ban QLVNN	
4	15 Tổng công ty thuộc UBND TP Hà Nội (4) + TP HCM (11)	
5	05 Tổng công ty thuộc UBND tỉnh Bình Dương (2) + Đồng Nai (3)	
6	Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN	

7	Tập đoàn Dệt May	
8	10 đơn vị sự nghiệp công lập	
IV	ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TÀI CHÍNH	
1	Vụ Pháp chế	
2	Vụ Tài chính ngân hàng	
3	Vụ HCSN	
4	Vụ Đầu tư	
5	Vụ Chính sách thuế	
6	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	
7	Vụ NSNN	
8	KBNN	
9	Tổng cục Thuế	

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về khai, nộp và chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về khai, nộp và chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Khai, nộp vào ngân sách nhà nước các khoản thu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 148/2021/NĐ-CP);

2. Chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước các khoản chi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cơ quan đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi là Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước (bao gồm cả ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp 1).

3. Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước là các công ty cổ phần (bao gồm cả ngân hàng thương mại cổ phần, công ty cổ phần hình thành từ cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

5. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ.

6. Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Mua bán nợ Việt Nam);

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chi phí liên quan đến chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chi phí chuyển nhượng vốn phải được khai, nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này, trong đó:

a) Khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP nộp vào ngân sách trung ương;

b) Khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP nộp vào ngân sách địa phương.

2. Việc xác định các khoản thu để nộp về ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

Trường hợp tổng số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn không đủ bù đắp các khoản chi theo quy

định, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập được giữ lại toàn bộ khoản tiền thu này để thực hiện chi trả theo quy định và không phải thực hiện khai, nộp về ngân sách nhà nước.

3. Việc khai, nộp ngân sách nhà nước thực hiện theo từng lần phát sinh số phải nộp ngân sách nhà nước. Đối tượng khai, nộp là đối tượng có trách nhiệm nộp tiền theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Cơ quan thuế thực hiện thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Thông tư này, trong đó:

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Thông tư này.

- Mẫu Tờ khai nộp đối với từng khoản thu chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. Người nộp thuế có trách nhiệm gửi kèm theo Tờ khai các văn bản làm căn cứ xác định khoản thu.

- Địa điểm nộp hồ sơ kê khai đối với các khoản thu tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng quy định tại Nghị định 148/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp chậm nộp, đối tượng khai, nộp phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 Thông tư này do ngân sách trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương và địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Khai, nộp ngân sách nhà nước

1. Thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng (bao gồm cả trường hợp đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược):

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá (hoặc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 32/2021/TT-BTC) và điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử

dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 111/2020/TT-BTC) về ngân sách nhà nước.

b) Tiền thu từ bảo lãnh phát hành:

Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua bán cổ phần theo hợp đồng bảo lãnh, Tổ chức bảo lãnh phát hành có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC và điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 111/2020/TT-BTC về ngân sách nhà nước.

c) Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư, bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp:

Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập khai, nộp tiền thu từ bán cổ phần về ngân sách nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền.

d) Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tự xác định số tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 32/2021/TT-BTC, Điều 17 Thông tư số 111/2020/TT-BTC và thực hiện khai, nộp về ngân sách nhà nước.

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp (nếu có) về ngân sách nhà nước.

đ) Các khoản thu khác:

- Doanh nghiệp có trách nhiệm khai, nộp toàn bộ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng (đối với các hợp đồng đã ký, thời gian bảo hành còn hiệu lực sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) không chi hết về ngân sách nhà nước trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn bảo hành theo hợp đồng.

- Công ty Mua bán nợ Việt Nam có trách nhiệm khai, nộp các khoản phải nộp về ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành chuyển nhượng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) chịu trách nhiệm khai và nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp về ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở kết quả chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn và chi phí chuyển nhượng vốn. Trường hợp số tiền thu từ chuyển nhượng vốn và khoản đã tạm ứng chi phí chuyển nhượng vốn cao hơn chi phí hợp lý thực tế liên quan đến chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) thực hiện quyết toán, khai và nộp khoản chênh lệch về ngân sách nhà nước trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp cấp 1 đang hoạt động

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quyết định về việc nộp phân chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ của doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ (sau đây gọi là Thông tư số 36/2021/TT-BTC), doanh nghiệp có trách nhiệm khai, nộp về ngân sách nhà nước.

4. Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi là SCIC) thực hiện chuyển nhượng vốn để nộp về ngân sách nhà nước:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư, SCIC có trách nhiệm khai, nộp ngân sách nhà nước số tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước do SCIC thực hiện theo quy định điểm d khoản 1 Điều 1 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

5. Thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác:

Doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh

ng nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

1. Đối với các khoản chi thường xuyên:

a) Đối với các đơn vị quan hệ thường xuyên với ngân sách nhà nước cấp theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc Nhà nước: Kho bạc Nhà nước căn cứ dự toán được cấp thẩm quyền giao; văn bản phê duyệt hỗ trợ của cấp có thẩm quyền; Giấy rút dự toán để chuyển cho đối tượng thụ hưởng. Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo đúng theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và không vượt dự toán đã được cấp. Cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm về đối tượng và mức chi trong văn bản phê duyệt hỗ trợ.

b) Đối với các đơn vị không có quan hệ thường xuyên với ngân sách nhà nước: thực hiện cấp theo hình thức Lệnh chi tiền của cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên Lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền cho các đối tượng thụ hưởng.

2. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển:

a) Đối với các khoản chi đầu tư phát triển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn (trường hợp cấp theo hình thức lệnh chi tiền qua cơ quan tài chính): cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định của pháp luật có liên quan. Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên Lệnh chi tiền của cơ quan tài chính và thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền cho các đối tượng thụ hưởng.

b) Đối với các khoản chi đầu tư phát triển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (trường hợp cấp bằng hình thức giao kế hoạch vốn đầu tư công kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc nhà nước): Hồ sơ, kiểm soát, thanh toán, quyết toán được Kho bạc nhà nước thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý các khoản thu theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp các khoản thu theo nội dung Thông tư này.

3. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Sửa đổi quy định nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 1 về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thành nộp về ngân sách nhà nước tại Điều 11; khoản 2, khoản 6, khoản 7 Điều 12; khoản 6 Điều 17 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

3. Sửa đổi quy định nộp tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 2 về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thành nộp về doanh nghiệp cấp 1 tại Điều 11 và khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 12 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Kể từ ngày 01/4/2022, các khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 2 thuộc trung ương và địa phương (bao gồm cả doanh nghiệp cấp 2 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu nhưng chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành) sau khi trừ các khoản chi liên quan đến cổ phần hóa (gồm: giá vốn là giá trị sổ sách của doanh nghiệp cấp 1, chi phí xử lý lao động dôi dư, tinh giản biên chế, ưu đãi cho người lao động, chi phí cổ phần hóa và nghĩa vụ thuế theo quy định nếu có) được hạch toán vào kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp cấp 1.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDN(3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục – Danh mục và mẫu các tờ khai nộp về ngân sách nhà nước
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2022/TT-BTC ngày
.../.../2022 của Bộ Tài chính)

1. Tờ khai số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập mẫu số 01/CPH;
2. Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập mẫu số 02/QT-CPH;
3. Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp mẫu số 01/CNV;
4. Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp mẫu số 02/QT-CNV;
5. Tờ khai số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác mẫu số 01/SXCDK;
6. Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác mẫu số 02/QT-SXCDK;
7. Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp mẫu số 01/CLVCSH-VDL.

Mẫu số: 01/CPH
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 .../2022/TT-BTC ngày
 .../.../2022 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI SỔ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP,
 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Doanh nghiệp Đơn vị sự nghiệp công lập

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[09]	
2	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[10]	
3	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư, bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[11]	
4	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[12]	
5	Các khoản thu khác	[13]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP,
 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Doanh nghiệp Đơn vị sự nghiệp công lập

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	
II	Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:	[10]	
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[11]	
2	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[12]	
3	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư, bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[13]	
4	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[14]	
5	Các khoản thu khác	[15]	
III	Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước	[16]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU
 CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN
 NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

Chuyển nhượng vốn Chuyển nhượng quyền mua cổ phần
 Chuyển nhượng quyền góp vốn

Tại doanh nghiệp:.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[09]	
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[10]	
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[11]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC,
 THU CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN
 NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

Chuyển nhượng vốn Chuyển nhượng quyền mua cổ phần
 Chuyển nhượng quyền góp vốn

Tại doanh nghiệp:.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	
II	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:	[10]	
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[11]	
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[12]	
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[13]	
III	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước	[14]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI SỔ THU TỪ CÁC HÌNH THỨC SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI KHÁC

Tại doanh nghiệp:.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước theo từng lần phát sinh.	[09]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CÁC HÌNH THỨC SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI KHÁC

Tại doanh nghiệp:.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	
II	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước	[10]	
III	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHÊNH LỆCH VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN HƠN VỐN
ĐIỀU LỆ TẠI DOANH NGHIỆP**

[01] Kỳ tính:

Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Vốn chủ sở hữu	[09]	
2	Vốn điều lệ	[10]	
3	Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

1

1